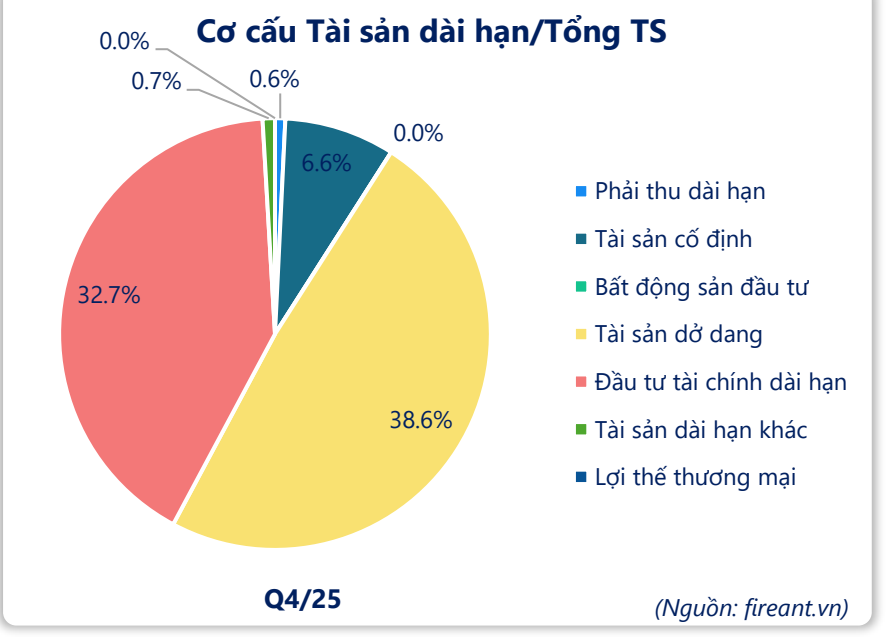
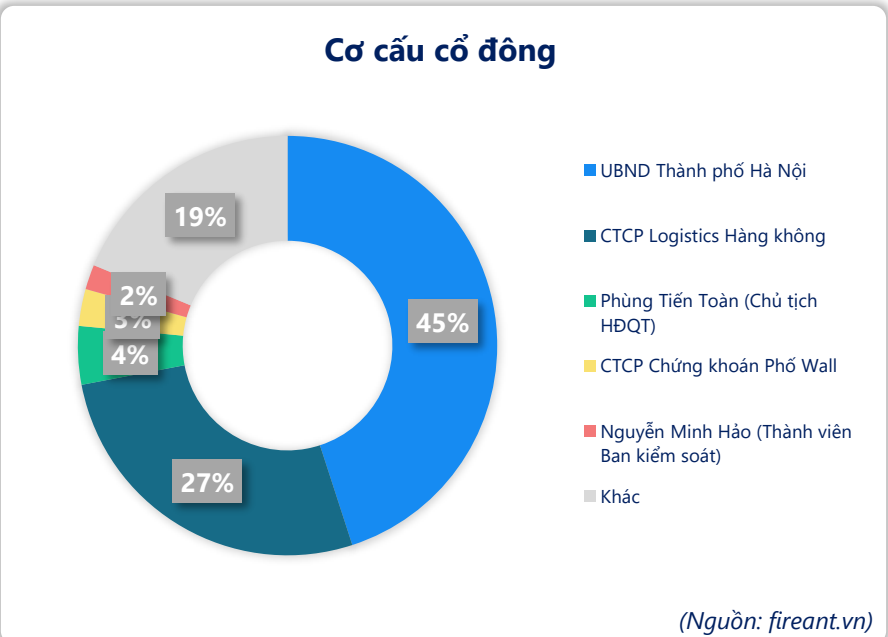
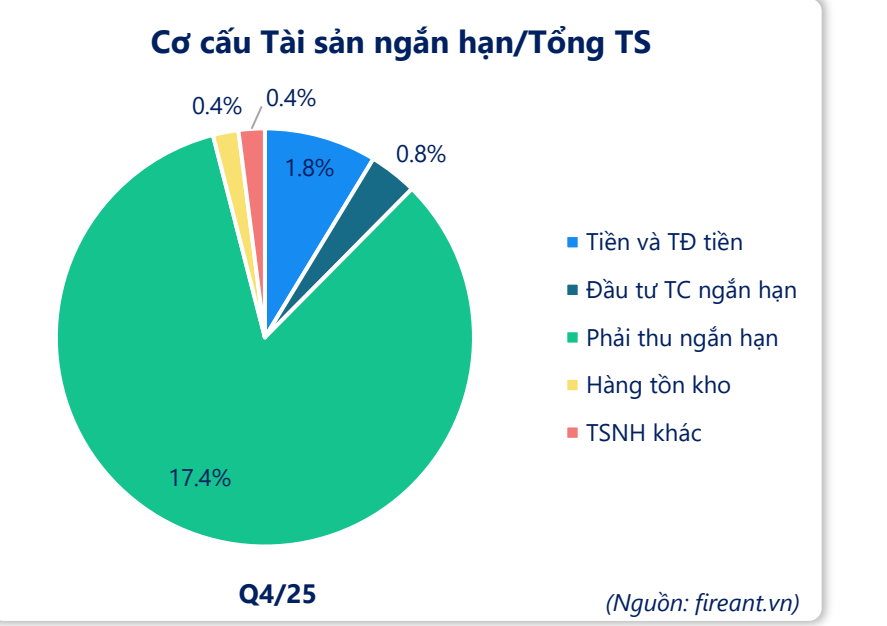
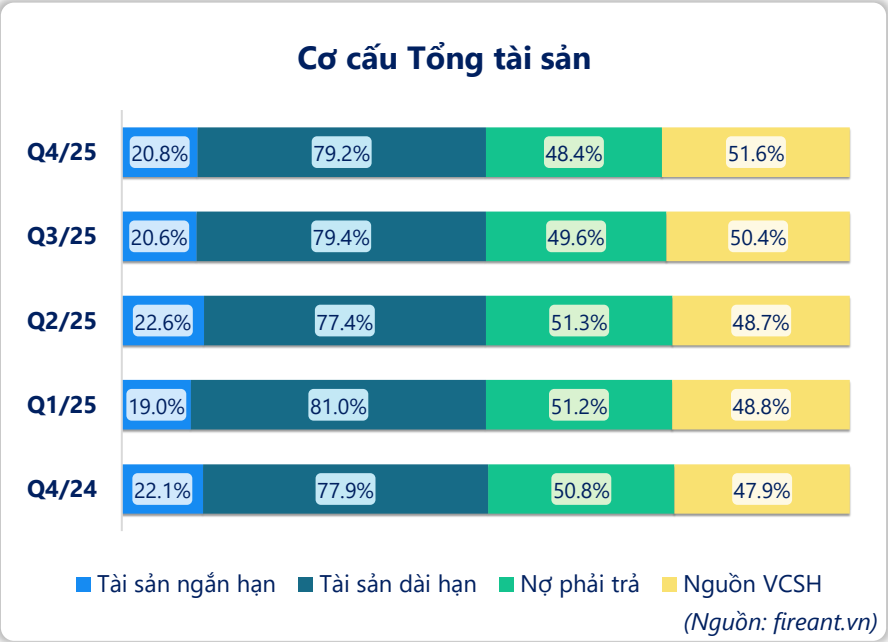
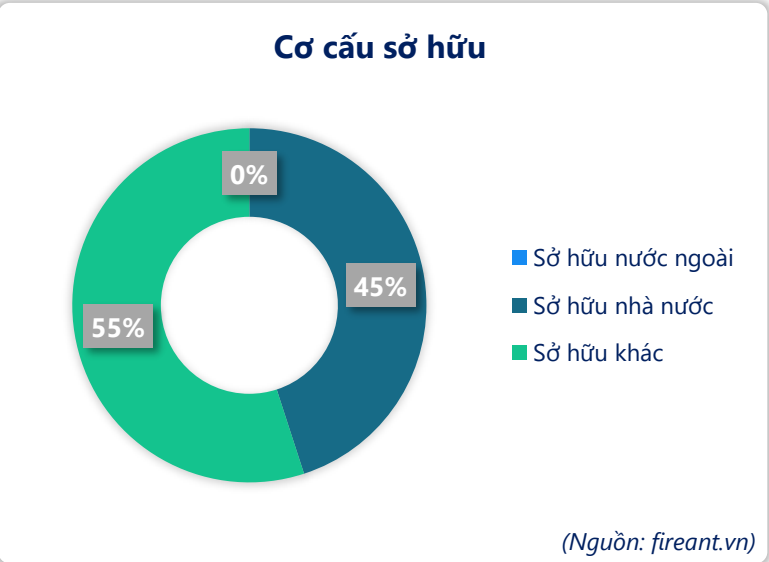
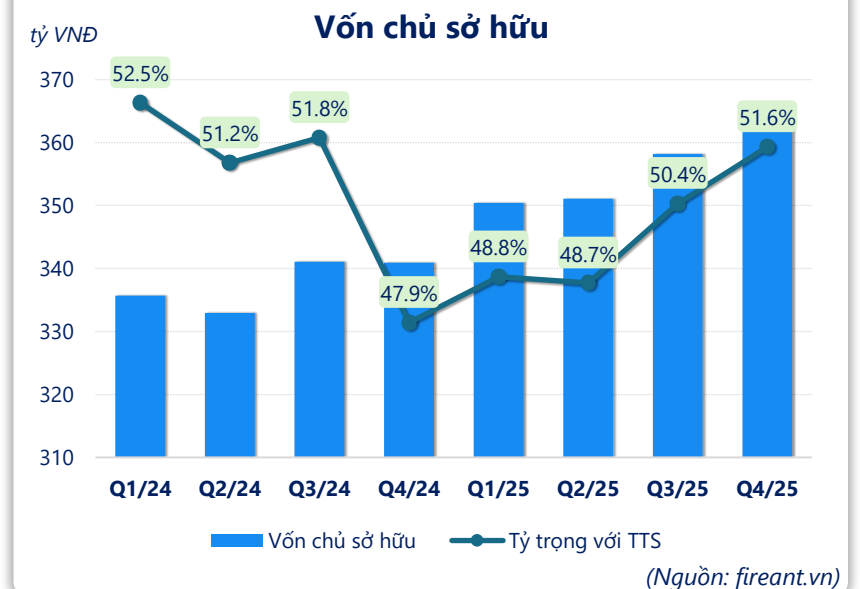
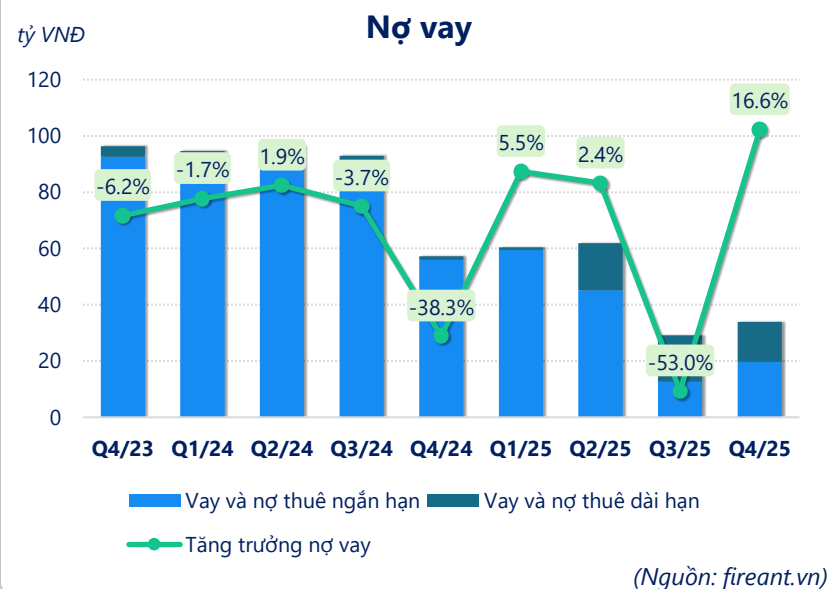
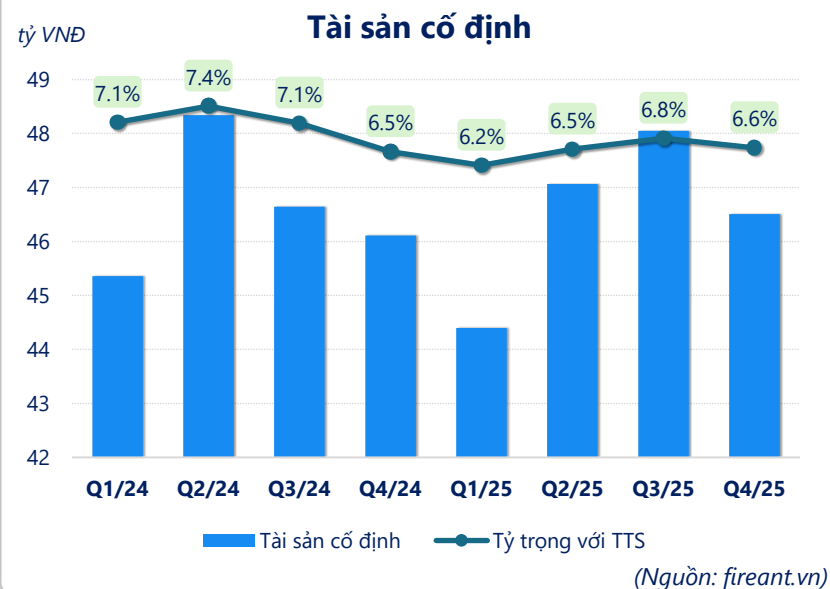
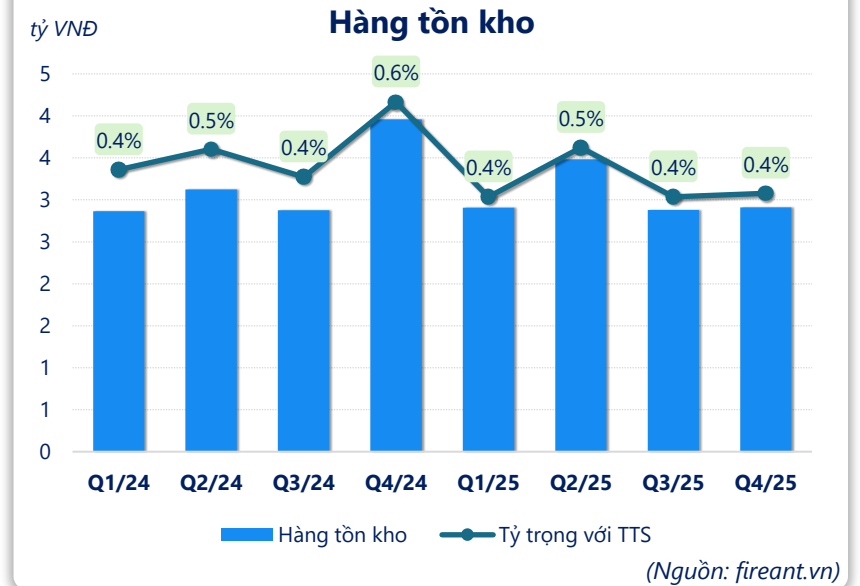
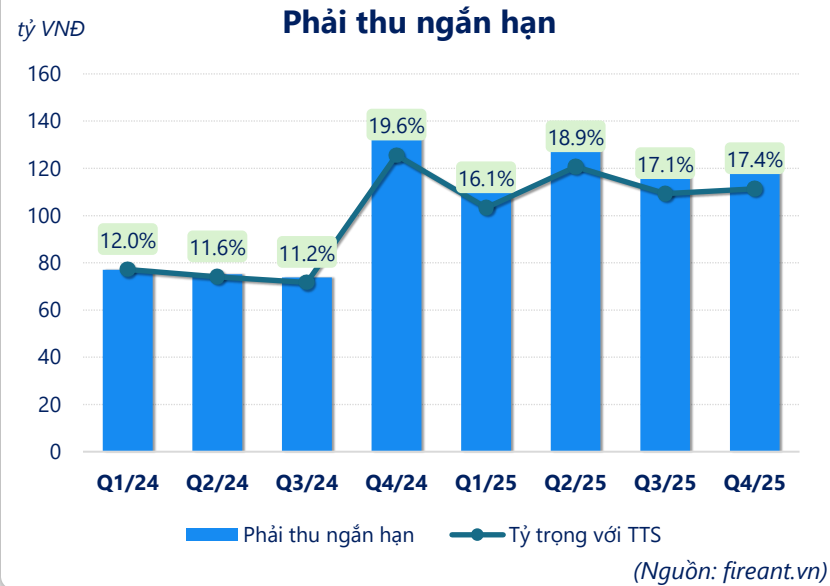
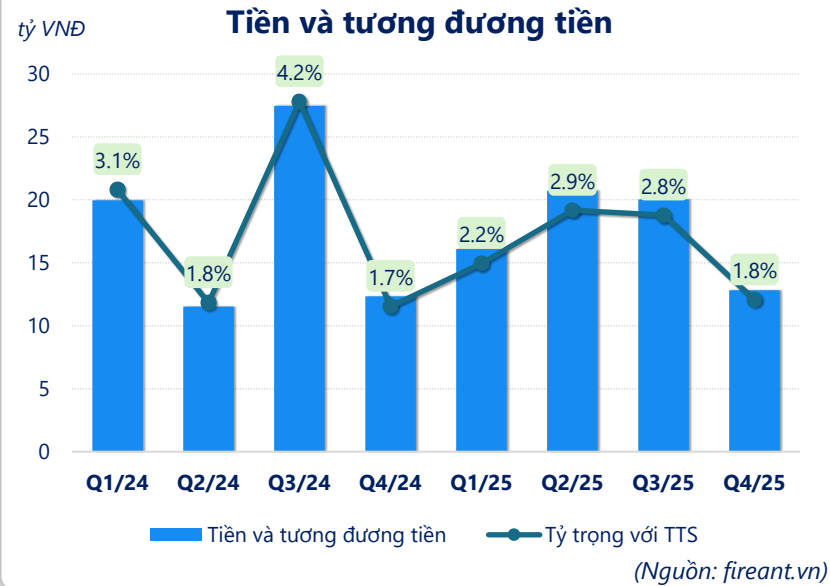
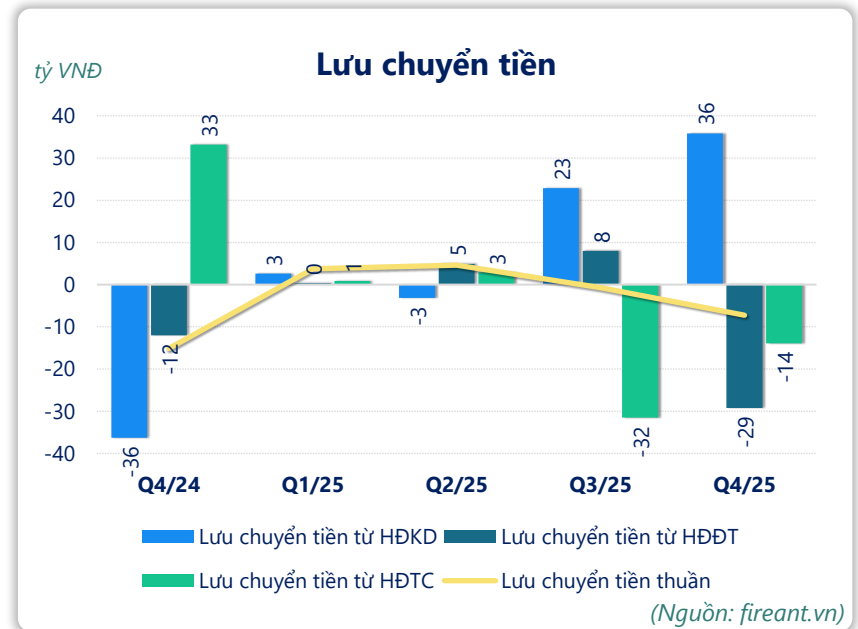
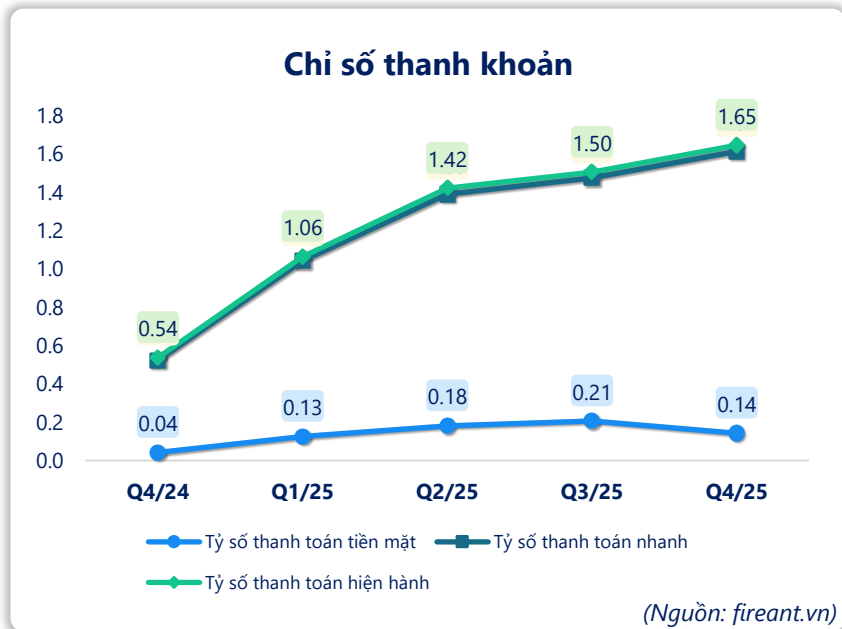
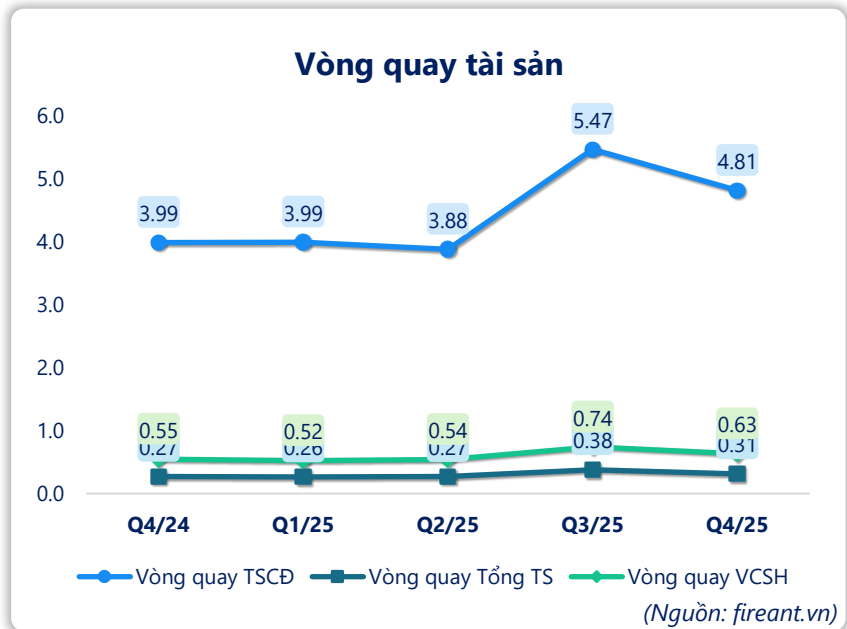
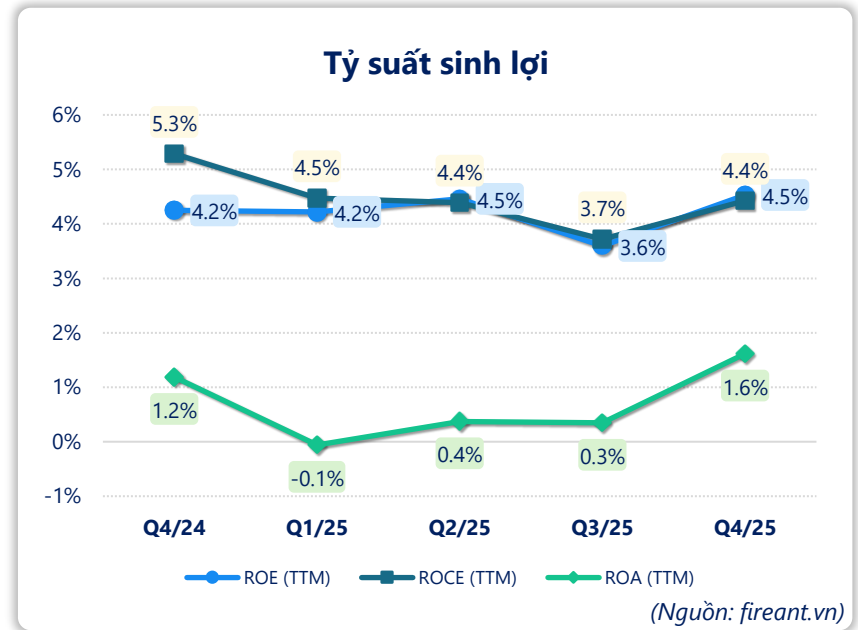
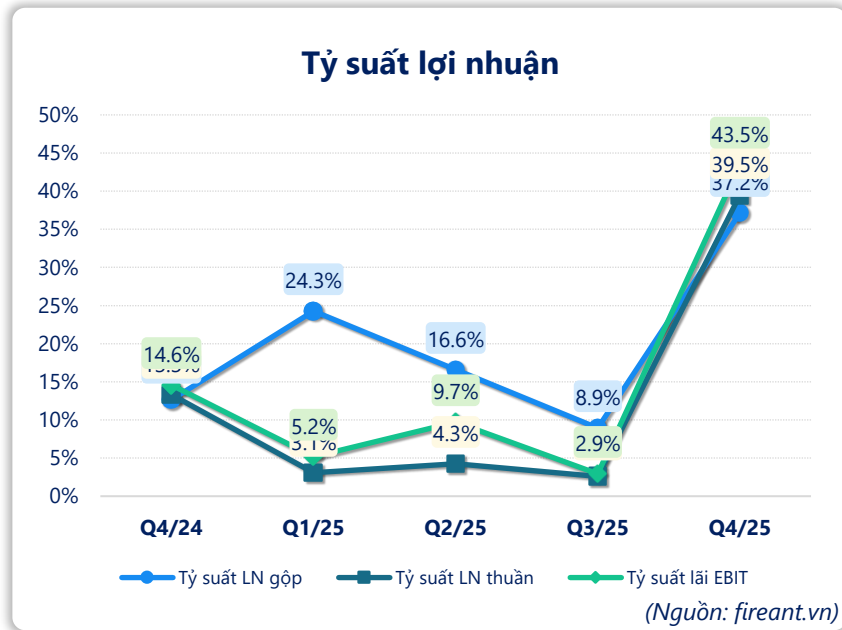
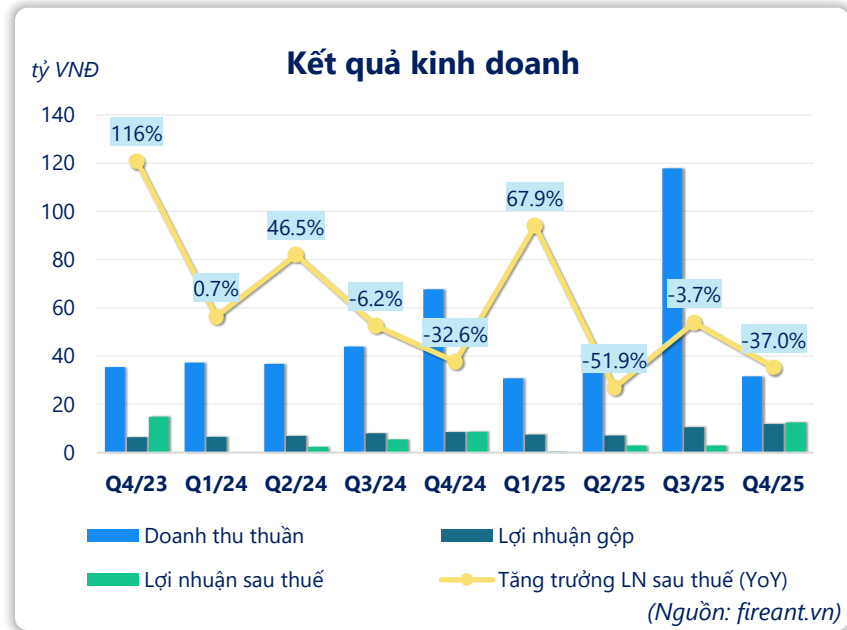


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,000
SL cổ phiếu LH		36,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		50,075
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		792
P/E		49.5
EPS		445

	YTD	1T	3T	6T
ILS	73.2%	16.4%	37.5%	27.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	709	718	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	148	132	12.1%
Tiền và tương đương tiền	12.8	12.3	4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.51	0.01	110000%
Phải thu ngắn hạn	123	114	8.3%
Hàng tồn kho	2.91	3.88	-25.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.00	1.63	83.5%
Tài sản dài hạn	562	586	-4.2%
Phải thu dài hạn	4.33	36.8	-88.2%
Tài sản cố định	46.5	46.1	0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	274	269	1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	232	230	0.9%
Tài sản dài hạn khác	5.17	4.49	15.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	343	368	-6.6%
Nợ ngắn hạn	89.7	219	-59.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.7	56.0	-64.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	19.9	-44.2%
Nợ dài hạn	254	149	70.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.3	1.24	1050%
Nguồn vốn chủ sở hữu	366	350	4.5%
Vốn chủ sở hữu	366	350	4.5%
Vốn điều lệ	360	360	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	67.6	30.9	42.6	118	31.6
Giá vốn hàng bán	59.0	23.4	35.6	107	19.9
Lợi nhuận gộp	8.57	7.49	7.07	10.5	11.8
Doanh thu HĐTC	9.02	0.24	0.43	7.13	0.73
Chi phí TC	1.73	0.79	1.10	0.26	3.09
Chi phí lãi vay	0.89	0.69	1.07	0.26	1.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	1.76
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.86	5.99	4.58	14.3	-1.35
LN thuần từ HĐKD	9.00	0.95	1.81	3.05	12.5
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.03	1.26	0.15	0.15
LN trước thuế	8.98	0.92	3.07	3.20	12.7
Lợi nhuận sau thuế	8.64	0.45	2.87	2.89	12.4
LNST của CĐ cty mẹ	8.05	-0.40	2.56	2.36	11.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-36.3	2.60	-3.14	22.8	35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.0	0.32	4.87	8.00	-29.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.1	0.85	2.89	-31.5	-13.9
Tiền đầu kỳ	27.5	12.3	16.1	20.7	20.0
Lưu chuyển tiền thuần	-15.1	3.77	4.62	-0.69	-7.23
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.00	0	0.02
Tiền cuối kỳ	12.3	16.1	20.7	20.0	12.8

(Nguồn: fireant.vn)